

Bản án số: 136/2019/DS-PT

Ngày: 05/6/2019

V/v: *Tranh chấp về đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thu Hồng

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

- Thư ký phiên tòa :

Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thư ký

Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS - ST ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2019/QĐXX-PT ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thúy H, sinh năm 1961

Địa chỉ cư trú: Số 268 phố N, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Ngô Thúy H1, sinh năm 1955; Địa chỉ cư trú: Số nhà 2A ngõ 47 Văn Cao, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. (Giấy ủy quyền ngày 24/9/2018, số công chứng 4797.2018, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lạc Việt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 581B phố Hoàng Hoa Thám, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Hoàn - Luật sư Văn phòng luật sư Song Hà, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Ngô Thúy H - nguyên đơn và bà Phạm Thị A - bị đơn. Kháng nghị của VKSND quận B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2018, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Ngô Thúy H trình bày:

Do bà Phạm Thị A cần tiền để kinh doanh nên bà A đã hỏi vay bà tiền. Bà có số tiền 100.000USD (*Một trăm nghìn đô la Mỹ*), bà và bà A định đi ra Ngân hàng để quy đổi tiền đô la Mỹ sang tiền Việt Nam để giao tiền cho bà A vay, nhưng ngày 17/8/2017 tại Văn phòng làm việc của bà ở địa chỉ Phòng 108- Nhà khách Thảo viên - 21A Ngọc Hà, Ba Đình, bà và bà A đã thống nhất quy đổi 100.000USD (*một trăm nghìn đô la Mỹ*) ra tiền Việt Nam Đồng tại thời điểm đó bằng 2.280.000.000 đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Ngày 17/8/2017 bà A viết giấy vay tiền và nhận đủ số tiền nói trên, bà tin tưởng là chỗ chị em thân quen nên bà cho bà A vay bằng tín chấp. Trong giấy vay tiền bà A ghi thời hạn vay là 6 tháng, không ghi lãi vay. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận miệng với nhau là theo lãi suất ngân hàng, về thời hạn vay bà không đồng ý, nhưng bà A nói: "*Em viết thì em viết thế thôi chứ chỉ vài ngày bia về em đổ hàng là em có tiền, chị cần lúc nào em trả ngay*". Nhưng khi cần tiền, bà đòi thì bà A không trả và hứa hẹn nhiều lần, bà A nói với bà xem có vay Ngân hàng giúp hộ em được không, bà nói vay được nhưng bà không có tài sản.

Ngày 25/10/2017, bà A đã giao cho bà 02 bộ hồ sơ giấy tờ nhà đất tại số 1 ngõ 96 Tô Ngọc Vân, phường Q, quận T thuộc khu Tập thể Công ty Khách sạn Công Đoàn và nhà đất tại số 96 ngõ 4 phố Kim Đồng, phường T (nay là số 48 ngách 1, ngõ 4 phố Kim Đồng, phường G), quận H1, Hà Nội. Bà A viết giấy biên nhận đối với bộ giấy tờ nhà đất thứ nhất, nội dung là: *Chị A bàn giao cho chị H bộ Giấy tờ nhà đất, người bàn giao là Phạm Thị A và người nhận là chị Ngô Thúy H.*

Bà A giao cho bà 02 bộ giấy tờ nhà nói trên với mục đích là nhờ bà thế chấp vay tiền ở Ngân hàng hộ để lấy tiền trả cho bà, nhưng do nhà đất chưa có sổ đỏ nên không thể chấp vay tiền ở Ngân hàng được. Hiện nay bà vẫn đang giữ 02 bộ giấy tờ nhà nói trên.

Đến nay, bà A chưa trả tiền nợ gốc cho bà, còn về tiền lãi thì bà A mới trả cho bà số tiền lãi là 55.000.000đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 31/10/2017 qua tài khoản của bà tại Ngân hàng SHB. Bà H khởi kiện yêu cầu bà A phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 2.280.000.000đồng và tiền lãi của số tiền trên theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi bà A đã trả cho bà đề nghị trừ vào khoản tiền lãi bà A phải cho bà. Hiện nay, bà đang giữ 02 bộ giấy tờ nhà đất của bà A, bà xin được tiếp tục, cầm giữ hai bộ giấy tờ nhà đất nói trên, khi nào bà A trả xong toàn bộ khoản tiền nợ thì bà sẽ trả lại giấy tờ nhà đất cho bà A.

Bị đơn là bà Phạm Thị A trình bày:

Bà có một Công ty hoạt động trong lĩnh vực buôn bán các mặt hàng nhập khẩu đặc biệt, bà độc quyền nhập khẩu một số nhãn hàng bia Đức, Công ty của bà hoạt động tốt. Do tình cờ trong cuộc gặp gỡ các doanh nghiệp, bà có quen bà Ngô Thúy H, tại đây bà được biết bà H là một doanh nhân trong lĩnh vực bất động sản và tài chính. Tháng 8/2017 Công ty của bà có nhu cầu nhập một số bia Đức, thông thường bà nhập 30-50 contener nhưng qua tiếp cận với bà H bà đã tự giới thiệu có thể cung ứng một số vốn với lãi suất ngân hàng, thủ tục đơn giản, bà H có nhã ý giúp bà.

Theo yêu cầu của bà H, bà đã kê khai tài sản bao gồm: Căn hộ 96 Tô Ngọc Vân có giấy phân nhà của cơ quan khách sạn Công đoàn Quảng Bá. Căn hộ tại 48 ngõ 4 phố Kim Đồng có giấy viết tay và các hóa đơn thuế đất hàng năm, căn hộ này bà đang trong quá trình hoàn thiện chuẩn bị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H xem xét và nói đã đủ điều kiện để làm thủ tục vay nhưng vẫn phải chờ một thời gian. Thấy vậy, bà đã thôi ý định vay vì không kịp chuyển tiền cho đối tác bên Đức. Do đó, bà H đã chủ động đưa ra ý kiến là bà H đang có sẵn số tiền 100.000USD (*Một trăm nghìn đô la Mỹ*) chuẩn bị mua nhà cho con bên Úc, có thể tạm thời cho bà vay trong lúc chờ đợi đưa 2 bộ hồ sơ nhà của bà vào Ngân hàng và chắc chắn sẽ vay được tiền.

Ngày 17/8/2017 bà mang hồ sơ nhà ở Tô Ngọc Vân đến Công ty bà H, còn bộ hồ sơ ngôi nhà ở Kim Đồng, lúc đó đang tạm thời bà nhờ anh Nguyễn Văn K ở ngõ 125 Thụy Khuê, điện thoại 0912279598 đứng tên hộ vì bà chưa có hộ khẩu Hà Nội. Vào khoảng 16h cùng ngày bà gọi điện cho anh K mang bộ hồ sơ này đến, tại đây anh K đã viết giấy chuyển nhượng ngôi nhà này cho bà. Xem xét rất kỹ bà H đã đồng ý cầm 2 bộ hồ sơ này và giao cho bà số tiền 100.000USD, hai bên thống nhất quy đổi ra tiền Việt Nam ngay thời điểm đó theo tỷ giá là 100.000USD bằng 2.280.000.000đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*), bà đồng ý vay của bà H số tiền 2.280.000.000đồng. Bà H hứa một thời gian ngắn sẽ làm thủ tục để bà được vay tiền, đồng thời bà H con hứa sẽ giúp bà nhanh nhất làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngôi nhà này.

Bà A viết giấy vay tiền ngày 17/8/2017, thời hạn vay 06 tháng, trong giấy vay không ghi lãi suất vay, chỉ thỏa thuận miệng với nhau là theo lãi suất ngân hàng. Chiều cùng ngày 17/8/2017 có chị H2 (bạn của bà H1) đến văn phòng của bà H để viết vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Bà sử dụng số tiền vay của bà H để nhập bia Đức về Việt Nam để bán, chị H2 không sử dụng số tiền vay trên, do đó chị H2 không liên quan gì.

Ngay sau khi nhận tiền vay, bà có giao cho bà H 02 bộ giấy tờ nhà đất tại số 1 ngõ 96 Tô Ngọc Vân, phường Q, quận T thuộc khu Tập thể Công ty Khách sạn Công Đoàn và nhà đất tại số nhà 48 ngách 1 ngõ 4 phố Kim Đồng, phường H, quận H1, Hà Nội. Khi giao giấy tờ nhà, hai bên có viết giấy giao nhận.

Sau ba tháng kể từ thời điểm vay tiền, bà chưa trả được tiền nợ gốc cho bà H nên bà H yêu cầu bà viết lại giấy vay nên bà đã viết giấy xác nhận số tiền vay của bà H, có chữ ký của người làm chứng là chị H2, sau đó thấy vô lý quá vì khi vay bà đã viết giấy vay tiền rồi nay lại bắt bà viết lại nên bà viết xong và không ký.

Đến nay, bà chưa trả được tiền nợ gốc cho bà H, về tiền lãi: Bà đã trả cho bà H được 07 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 385.000.000đồng (*Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Cụ thể: Ngày 31/10/2017 bà đã trả 55.000.000đồng lãi, bằng hình thức chuyển khoản cho bà H. Còn 6 tháng sau bà H yêu cầu bà chuyển đến Công ty của bà H dưới hình thức giao tiền tận tay vào ngày 20 hàng tháng, bà đã giao cho kế toán của công ty bà là anh Lương Duy K mang tiền đến trả bà H, nhưng không có biên nhận, không để lại bút tích nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Đối với số tiền nợ gốc mà bà vay bà H, bà sẽ chịu trách nhiệm trả, song trong những điều kiện khách quan, bất khả kháng bà xin trả dần trong điều kiện cho phép. Về tiền lãi, bà đã trả cho bà H số tiền 385.000.000đồng, đề nghị được trừ vào tiền nợ gốc. Ngoài ra, bà H đã gây cho bà những tổn thất về tinh thần và đặc biệt là kinh tế từ tháng 5/2018 là rất nghiêm trọng, làm cho công ty của bà bị phá sản hoàn toàn, yêu cầu bà H phải có trách nhiệm bồi thường. Việc bà H cầm giữ 2 bộ hồ sơ nhà đất của bà có thể được coi là chiếm giữ trái phép tài sản của bà, yêu cầu chị H phải trả cho bà và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DSST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của bà Ngô Thúy H đối với bà Phạm Thị A.

2. Bà Phạm Thị A phải trả bà Ngô Thúy H số tiền: 2.674.616.000đồng (*Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 2.280.000.000 đồng; Nợ lãi: 394.616.000 đồng.

3. Bà Ngô Thúy H được tiếp tục bảo quản, cầm giữ hai bộ giấy tờ nhà đất gồm: giấy tờ nhà đất tại số 1 ngõ 96 Tô Ngọc Vân, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội và giấy tờ nhà đất tại số nhà 96 ngõ 4 phố Kim Đồng, phường T (nay là số 48 ngách 1, ngõ 4 phố Kim Đồng, phường G), quận H1, thành phố Hà Nội cho đến khi bà Phạm Thị A trả toàn bộ số nợ cho bà Ngô Thúy H thì bà Ngô Thúy H phải có trách nhiệm trả lại bà Phạm Thị A hai bộ giấy tờ nhà đất đó.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự, ...

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

- Ngày 13/3/2019 nguyên đơn là bà Ngô Thúy H kháng cáo cho rằng phần tính lãi suất của bản án sơ thẩm là quá thấp, bà H đề nghị Tòa án tính lãi trong hạn là 12%/năm và lãi quá hạn là 18%/năm.

- Ngày 14/3/2019 bà Phạm Thị A kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra làm rõ 3 dấu hiệu vi phạm pháp luật của bà H là cho vay nặng lãi, kinh doanh ngoại hối trái phép và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền lãi bà A đã trả cho bà H.

- Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng: Xác định giao dịch dân sự cho vay bằng ngoại tệ giữa bà H và bà A vô hiệu, buộc bà A phải trả bà Ngô Thúy H số tiền 100.000USD quy đổi ra tiền ĐVN tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà H đã cho bà A vay số tiền 100.000USD, hành vi cho vay bằng ngoại tệ của bà H là vi phạm điều cấm của pháp luật về quản lý ngoại hối, cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để làm rõ thủ đoạn cho vay theo kiểu tín dụng đen, cho vay nặng lãi của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra làm rõ những vi phạm pháp luật của bà H. Trường hợp không chuyển sơ vụ án sang cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng xác định giao dịch dân sự cho vay bằng ngoại tệ giữa bà H và bà A vô hiệu, buộc bà A phải trả cho bà H số tiền 100.000USD quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bà A đề nghị chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra làm rõ những vi phạm pháp luật của bà H là không có căn cứ, nên không chấp nhận. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng xác định giao dịch dân sự cho vay bằng ngoại tệ giữa bà H và bà A vô hiệu, buộc bà A phải trả cho bà H số tiền 100.000USD quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về tiền nợ gốc:

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Do cần tiền để kinh doanh nên bà Phạm Thị A đã vay tiền của bà Ngô Thúy H. Giấy vay tiền ngày 17/8/2017 do bà A viết có nội dung: Bà A vay của bà H số tiền 100.000USD, tương đương với số tiền Việt Nam là 2.280.000.000đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 06 tháng. Giấy vay tiền có chữ ký của người vay là bà Phạm Thị A và chữ ký của người làm chứng là chị H2.

Sau đó, do bà A chưa trả được tiền nợ cho bà H nên bà A đã viết Giấy xác nhận có nội dung: "*Tôi có vay của chị H số tiền 2.280.000.000đồng (Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn) từ ngày 17/8/2017 đến nay đã đến hạn trả nợ nhưng tôi chưa thu xếp trả cho chị H được. Tôi viết giấy này khất chị khoảng một thời gian nữa (3 tháng) ...*". Giấy xác nhận có chữ ký của người làm chứng là chị H2, bà Ngô Thúy H1 và anh Lê Tuấn Anh. Bà A viết Giấy xác nhận nhưng không ký tên.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà A khai tại thời điểm vay tiền, bà H và bà A đã thống nhất quy đổi số tiền 100.000USD ra tiền Việt Nam bằng 2.280.000.000đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*). Sau đó bà A đã mang ngay số tiền 100.000USD ra Ngân hàng để đổi sang tiền Việt Nam và chuyển tiền cho đối tác làm ăn với bà A. Sau khi vay tiền của bà H, bà đã trả lãi cho bà H là 55.000.000đồng/tháng, trả được 07 tháng với tổng số tiền là 385.000.000đồng.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định ngày 17/8/2017 bà A đã vay của bà H số tiền 2.280.000.000đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Giấy vay tiền ngày 17/8/2017 ghi thời hạn vay là 06 tháng, cho đến nay bà A chưa trả được cho bà H số tiền vay trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Bản án sơ thẩm buộc bà A phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 2.280.000.000đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*) là có căn cứ.

2. Về tiền lãi:

Bà H khai, trong giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận miệng là theo lãi suất Ngân hàng. Thực tế bà A mới trả cho bà số tiền lãi là 55.000.000đồng vào ngày 31/10/2017 qua tài khoản của bà tại Ngân hàng SHB. Bà H yêu cầu bà A phải trả tiền lãi trong hạn từ ngày 17/8/2017 đến ngày 17/02/2018 theo mức lãi suất là 12%/năm và tiền lãi quá hạn là 18%/năm cho đến nay.

Bà A khai, trong giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên bà đã trả tiền lãi cho bà H được 07 tháng (từ tháng 10/2017 đến tháng 4/2018)

với tổng số tiền là 385.000.000đồng. Cụ thể: Lần đầu tiên trả số tiền 55.000.000đồng lãi vào ngày 31/10/2017 bằng hình thức chuyển khoản cho bà H. Còn 6 tháng sau, theo yêu cầu của bà H, bà đã giao cho kế toán của Công ty bà là anh Lương Duy K mang tiền đến Công ty của bà H giao tiền tận tay vào ngày 20 hàng tháng, nhưng không có biên nhận, không để lại bút tích nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Xét thấy, Giấy vay tiền ngày 17/8/2017 ghi thời hạn vay là 06 tháng, không có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, trên thực tế bà A đã trả tiền lãi cho bà H và hai bên có tranh chấp về số tiền lãi đã trả, nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Bản án sơ thẩm tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm (0,8%/tháng) tại thời điểm trả nợ là có căn cứ. Cụ thể:

- Về lãi trong hạn: Tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 17/02/2018 là 6 tháng

$$2.280.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 109.440.000 \text{ đồng.}$$

- Về lãi quá hạn: Tính từ ngày 18/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/3/2019 là 12 tháng 13 ngày:

$$2.280.000.000\text{đồng} \times (0,8\% \times 150\%)/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 340.176.000 \text{ đồng.}$$

- Tổng tiền lãi là:

$$109.440.000 \text{ đồng} + 340.176.000 \text{ đồng} = 449.616.000 \text{ đồng.}$$

Bà A khai đã trả cho bà H số tiền lãi là 385.000.000 đồng, nhưng bà A không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Bà H xác nhận đã nhận của bà A số tiền lãi là 55.000.000đồng và bà đề nghị được trừ vào số tiền lãi do Tòa án tính, do đó số tiền bà A đã trả 55.000.000 đồng lãi được trừ vào số lãi phải trả nên bà A còn phải trả số tiền lãi là:

$$449.616.000 \text{ đồng} - 55.000.000 \text{ đồng} = 394.616.000 \text{ đồng}$$

Như vậy, tổng cộng nợ gốc và nợ lãi bà A phải trả cho bà H là:

$$2.280.000.000 \text{ đồng} + 394.616.000 \text{ đồng} = 2.674.616.000\text{đồng.}$$

3. Đối với 02 bộ giấy tờ nhà đất của bà A:

Bà H xác nhận khi bà A vay tiền của bà H, bà H yêu cầu bà A trả nợ, bà A chưa trả được nợ nên ngày 25/10/2017 bà A có giao cho bà H 02 bộ giấy tờ nhà đất gồm: nhà đất tại số 1 ngõ 96 Tô Ngọc Vân, phường Q, quận T, Hà Nội và nhà đất tại số nhà 96 ngõ 4 phố Kim Đồng, phường T (nay là số 48 gác 1, ngõ 4 phố Kim Đồng, phường G), quận H1, Hà Nội. Bà A xác nhận ngay sau khi nhận tiền vay của bà H thì bà có giao cho bà H hai bộ giấy tờ nhà đất như trên, nhà đất đó là tài sản hợp pháp của bà, bà đã nhận chuyển nhượng của người khác nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà A và bà H đều xác nhận việc hai bên giao nhận giấy tờ nhà đất cho nhau là tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Hiện nay bà H vẫn đang cầm giữ hai bộ giấy tờ nhà đất nói trên của bà A. Do đó, bà H được tiếp tục bảo quản, cầm giữ hai bộ giấy tờ nhà đất nói trên cho

đến khi bà A trả toàn bộ số tiền nợ cho bà H thì bà H phải có trách nhiệm trả lại bà A 02 bộ giấy tờ nhà đất nói trên.

Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2019/DSST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thúy H, bà Phạm Thị A mỗi người phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 357, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DSST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của bà Ngô Thúy H đối với bà Phạm Thị A.

2. Buộc bà Phạm Thị A phải trả bà Ngô Thúy H số tiền 2.674.616.000đồng (*Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 2.280.000.000đồng (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*); Nợ lãi là 394.616.000đồng (*Ba trăm chín mươi tư triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng*).

3. Bà Ngô Thúy H được tiếp tục bảo quản, cầm giữ 02 bộ giấy tờ nhà đất gồm: Giấy tờ nhà đất tại nhà số 01 ngõ 96 Tô Ngọc Vân, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội và giấy tờ nhà đất tại nhà số 96 ngõ 4 phố Kim Đồng, phường T (nay là số 48 ngách 1, ngõ 4 phố Kim Đồng, phường G), quận H1, thành phố Hà Nội cho đến khi bà Phạm Thị A trả toàn bộ số tiền nợ cho bà Ngô Thúy H thì bà Ngô Thúy H phải có trách nhiệm trả lại bà Phạm Thị A 02 bộ giấy tờ nhà đất nêu trên.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị A phải chịu 85.492.320 đồng (*Tám mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Ngô Thúy H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008581 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Bà Ngô Thúy H, bà Phạm Thị A mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005321 ngày 19/3/2019 và biên lai thu tiền số 0005327 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(*đã ký*)

Hoàng Thị Thu Lan